

Số: /KH-UBND

Tứ Kỳ, ngày tháng 10 năm 2025

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện  
kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 trên địa bàn xã Tư Kỳ**

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035;

Thực hiện Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 22/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây viết tắt là Kế hoạch của thành phố), Ủy ban nhân dân xã Tư Kỳ xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 trên địa bàn xã Tư Kỳ như sau:

**I. MỤC TIÊU**

Triển khai, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 và Kế hoạch của thành phố để phù hợp với tình hình, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm đạt các mục tiêu và đảm bảo tuân thủ lộ trình thực hiện đã được đề ra.

**II. NGÀNH, LĨNH VỰC ƯU TIÊN, ĐẶC THÙ; DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH; SẢN PHẨM, VẬT LIỆU, CHẤT THẢI VÀ DỊCH VỤ THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN**

**1. Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 trên địa bàn xã Tư Kỳ**

- Nông nghiệp và Thủy sản.
- Năng lượng.
- Khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản.
- Công nghiệp chế biến, chế tạo.
- Hóa chất.
- Xây dựng.
- Giao thông vận tải.
- Dịch vụ và du lịch.
- Quản lý chất thải.
- Phát triển khu đô thị, khu dân cư tập trung; khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

## **2. Các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh; sản phẩm, vật liệu, chất thải và dịch vụ thực hiện kinh tế tuần hoàn**

Các loại hình dự án đầu tư, cơ sở, sản xuất, kinh doanh tương ứng với các sản phẩm, vật liệu, chất thải và dịch vụ được khuyến khích áp dụng một hoặc nhiều biện pháp thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 được nêu chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

## **3. Giai đoạn thực hiện kinh tế tuần hoàn đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên được áp dụng đến năm 2035**

Ưu tiên thực hiện trước năm 2030 đối với lĩnh vực quản lý chất thải; các ngành, lĩnh vực khác đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí sau: phát sinh nhiều chất thải, có tác động lớn đến môi trường, phát thải khí nhà kính lớn; sử dụng nhiều tài nguyên, nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng; có tiềm năng tạo ra giá trị gia tăng cao và việc làm mới; bị ràng buộc thực hiện kinh tế tuần hoàn trong các hoạt động thương mại, đầu tư và quan hệ quốc tế.

### **4. Khuyến khích, ưu tiên thực hiện**

Khuyến khích thực hiện đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên, đặc thù; loại hình dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh; sản phẩm, vật liệu, chất thải và dịch vụ nêu tại Phụ lục của Kế hoạch này áp dụng các biện pháp, yêu cầu để thực hiện kinh tế tuần hoàn sớm hơn so với lộ trình của Kế hoạch hành động quốc gia; khuyến khích các ngành, lĩnh vực; loại hình dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh; sản phẩm, vật liệu, chất thải và dịch vụ không được nêu tại Phụ lục của Kế hoạch chủ động lựa chọn, áp dụng các biện pháp, yêu cầu để thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

## **III. NỘI DUNG VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

### **1. Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch truyền thông phổ biến kiến thức pháp luật, thực hành tốt về kinh tế tuần hoàn theo các ngành, lĩnh vực.**

- a) Cơ quan thực hiện: Phòng Kinh tế, phòng Văn hoá - Xã hội.
- b) Sản phẩm: tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn thực hành kinh tế tuần hoàn; hội nghị, hội thảo, chương trình tập huấn.
- c) Thời gian thực hiện: thực hiện thường xuyên, hàng năm.

### **2. Lồng ghép các nội dung giáo dục về kinh tế tuần hoàn vào chương trình giáo dục các cấp học, bậc học.**

- a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hoá - Xã hội.
- b) Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế, các trường học trên địa bàn xã.
- c) Sản phẩm: tài liệu, kế hoạch giảng dạy và học tập tại các cấp học.
- d) Thời gian thực hiện: thường xuyên, hàng năm.

**3. Tổ chức hướng dẫn, tập huấn hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác xã và các tổ chức kinh tế khác áp dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.**

- a) Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- b) Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hoá - Xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- c) Sản phẩm: tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn thực hành kinh tế tuần hoàn; hội nghị, hội thảo, chương trình tập huấn.
- d) Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hàng năm.

**4. Hỗ trợ phát triển thị trường nguyên vật liệu thứ cấp, thị trường sản phẩm, hàng hóa được tạo ra từ áp dụng kinh tế tuần hoàn. Triển khai áp dụng kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực: Năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo; hóa chất.**

- a) Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- b) Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hoá - Xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- c) Sản phẩm: Kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ triển khai được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, nêu rõ mục tiêu, lộ trình thực hiện từng năm, đến năm 2035.
- d) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2025 - 2035.

**5. Triển khai áp dụng kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực: Nông nghiệp và Thủy sản; Khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản; Quản lý chất thải sau khi có hướng dẫn của UBND thành phố.**

- a) Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, cơ quan, đơn vị có liên quan.
- c) Sản phẩm: Kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ triển khai được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, nêu rõ mục tiêu, lộ trình thực hiện từng năm, đến năm 2035.
- d) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2025 - 2035.

**6. Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ áp dụng kinh tế tuần hoàn; Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong thực hiện kinh tế tuần hoàn gắn với các hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.**

- a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hoá - Xã hội
- b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- c) Sản phẩm: Kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học; chương trình hội nghị, hội thảo, giới thiệu sản phẩm khoa học công nghệ.
- d) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2025 - 2035.

**7. Triển khai áp dụng kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực: Xây dựng, giao thông vận tải.**

- a) Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.

- b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- c) Sản phẩm: Kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ triển khai được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, nêu rõ mục tiêu, lộ trình thực hiện từng năm, đến năm 2035.

d) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2025 - 2035.

**8. Nghiên cứu, đề xuất thành lập mới cụm công nghiệp theo mô hình đầu tư xây dựng cụm công nghiệp chuyên ngành, cụm công nghiệp sinh thái, cụm công nghiệp công nghệ cao.**

- a) Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- b) Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị liên quan.
- c) Sản phẩm: Quyết định phê duyệt Quy hoạch cụm công nghiệp tỷ lệ 1/500.
- d) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2025 - 2035.

**9. Hỗ trợ kết nối cung ứng sản phẩm, dịch vụ giữa các doanh nghiệp của địa phương và các doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố.**

- a) Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- b) Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hoá - Xã hội, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.
- c) Sản phẩm: Các Hội nghị, chương trình kết nối; Các biên bản ghi nhớ hợp tác cung ứng sản phẩm.
- d) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2025 - 2035.

**10. Vận động, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn xã áp dụng và thực hiện Bộ Tiêu chí Du lịch xanh thành phố Hải Phòng sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.**

- a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hoá - Xã hội.
- b) Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế
- c) Sản phẩm: Hội nghị tập huấn, hướng dẫn; Quyết định công nhận và giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn du lịch xanh do Ủy ban nhân dân thành phố ký.
- d) Thời gian thực hiện: Thường xuyên, hàng năm.

**IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa, nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch áp dụng theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Giao Phòng Kinh tế:**

- Chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai

thực hiện Kế hoạch này; chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện nội dung Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của UBND thành phố.

- Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã trình UBND thành phố phân bổ kinh phí để thực hiện các nội dung của Kế hoạch đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật có liên quan. Tăng cường hoạt động thu hút xúc tiến đầu tư trên địa bàn xã để thực hiện kinh tế tuần hoàn.

- Tổng hợp báo cáo UBND thành phố, các sở, ngành có liên quan kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định.

## **2. Phòng Văn hoá - Xã hội, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông**

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này đồng thời tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035, Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 22/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nội dung được phân công phụ trách và phối hợp phụ trách.

**3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể, kịp thời, có hiệu quả để hoàn thành các nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch; gửi kết quả thực hiện về UBND xã (qua Phòng Kinh tế xã) để tổng hợp báo cáo UBND thành phố theo quy định.**

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 trên địa bàn xã Tứ Kỳ, UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch và các PCT.UBND xã;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Lăng**

**PHỤ LỤC****DANH MỤC CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC ƯU TIÊN, ĐẶC THÙ; DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH; SẢN PHẨM, VẬT LIỆU, CHẤT THẢI VÀ DỊCH VỤ THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN ĐẾN NĂM 2035**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tứ Kỳ)

| <b>STT</b> | <b>Ngành, lĩnh vực ưu tiên, đặc thù; dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh</b> | <b>Sản phẩm, vật liệu, chất thải và dịch vụ</b>                                                                                                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>(1)</b> | <b>(2)</b>                                                                        | <b>(3)</b>                                                                                                                                                                                              |
| <b>I</b>   | <b>Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản</b>                                        |                                                                                                                                                                                                         |
| 1          | Trồng trọt                                                                        | - Vật liệu, sản phẩm, phụ phẩm, chất thải và dịch vụ có tiềm năng từ hoạt động trồng trọt.<br>- Trồng trọt nhằm giảm phát thải khí nhà kính.                                                            |
| 2          | Chăn nuôi                                                                         | - Vật liệu, sản phẩm, phụ phẩm, chất thải và dịch vụ có tiềm năng từ hoạt động chăn nuôi.<br>- Chăn nuôi nhằm giảm phát thải khí nhà kính.                                                              |
| 3          | Lâm nghiệp                                                                        | - Tăng khả năng hấp thụ và lưu trữ các-bon và giảm phát thải khí nhà kính trong lâm nghiệp.<br>- Vật liệu, sản phẩm, phụ phẩm, chất thải và dịch vụ có tiềm năng từ hoạt động trồng rừng, khai thác gỗ. |
| 4          | Thủy sản                                                                          | - Vật liệu, sản phẩm, phụ phẩm, chất thải và dịch vụ có tiềm năng từ hoạt động nuôi trồng thủy sản.<br>- Giảm phát thải khí nhà kính trong thủy sản.                                                    |
| <b>II</b>  | <b>Năng lượng</b>                                                                 |                                                                                                                                                                                                         |
| 1          | Thu hồi năng lượng thông qua thiêu đốt chất thải                                  | - Điện được sản xuất từ rác, chất thải rắn.                                                                                                                                                             |
| 2          | Năng lượng tái tạo                                                                | - Phát triển điện tái tạo từ các nguồn mặt trời, gió.<br>- Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo.                                                                      |
| 3          | Truyền tải, phân phối điện và thiết bị điện                                       | - Thiết bị thu, phát, truyền tải điện.<br>- Các sản phẩm điện tử và thiết bị điện dân dụng.                                                                                                             |
| <b>III</b> | <b>Khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản</b>                                |                                                                                                                                                                                                         |
| 1          | Thăm dò, khai thác khoáng sản                                                     | - Vật chất thải bỏ từ hoạt động khai thác khoáng sản, đất, đá dư thừa từ dự án đầu tư xây dựng công trình.<br>- Nước thu gom từ hoạt động khai thác khoáng sản.                                         |
| 2          | Chế biến khoáng sản                                                               | - Các vật liệu dư thừa, chất thải khác trong quá trình chế biến khoáng sản.                                                                                                                             |

|           |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>IV</b> | <b>Công nghiệp chế biến, chế tạo</b> |                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1         | Chế biến thực phẩm                   | - Bao bì đóng gói thực phẩm<br>- Chất thải rắn, nước thải trong hoạt động chế biến thực phẩm.                                                                                                                                                       |
| 2         | Chế biến gỗ                          | - Vật liệu, sản phẩm, phụ phẩm, chất thải và dịch vụ có tiềm năng từ hoạt động chế biến gỗ.<br>- Dịch vụ sửa chữa, tân trang, tái sử dụng và các dịch vụ kéo dài vòng đời sản phẩm đồ gỗ khác.                                                      |
| 3         | Đồ uống                              | - Bao bì nhựa, kim loại, thủy tinh sử dụng cho đồ uống gồm bia, rượu, nước giải khát<br>- Chất thải rắn, nước thải từ hoạt động sản xuất                                                                                                            |
| 4         | Giấy và bột giấy                     | - Giấy sử dụng cho các mục đích, bì carton<br>- Chất thải rắn, nước thải, khí thải từ hoạt động sản xuất.                                                                                                                                           |
| 5         | Nhựa                                 | - Bao bì, sản phẩm làm từ nguyên liệu nhựa các loại PE, PP, PET, ABS, PVC, PP, PU... - Chất thải rắn, nước thải, khí thải                                                                                                                           |
| 6         | Luyện kim                            | - Kim loại quý, nước thải, nhiệt dư, khí thải từ luyện kim<br>- Phế liệu sắt, thép và kim loại khác                                                                                                                                                 |
| 7         | Gốm sứ và thủy tinh                  | - Chai, lọ bằng thủy tinh; kính xây dựng các loại<br>- Chất thải từ hoạt động chế biến thủy tinh                                                                                                                                                    |
| 8         | Nhuộm, dệt may                       | - Nước thải từ dệt, nhuộm<br>- Vải, thời trang                                                                                                                                                                                                      |
| 9         | Thiết bị điện, điện tử               | - Các thiết bị điện và điện tử dân dụng và công nghiệp<br>- Các loại vật liệu thu hồi từ các thiết bị điện và điện tử<br>- Dịch vụ sửa chữa, tân trang và dịch vụ khác hỗ trợ kéo dài vòng đời của thiết bị điện và điện tử dân dụng và công nghiệp |
| <b>V</b>  | <b>Hoá chất</b>                      |                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1         | Bảo vệ thực vật                      | - Bao bì thuốc bảo vệ thực vật<br>- Hóa chất từ tự nhiên, thân thiện với môi trường                                                                                                                                                                 |
| 2         | Phân bón                             | - Nguyên liệu, vật liệu, nước trong quá trình sản xuất phân bón<br>- Phân bón hữu cơ từ phụ phẩm, chất thải                                                                                                                                         |
| 3         | Cao su                               | - Lốp cao su cho phương tiện giao thông, cơ giới                                                                                                                                                                                                    |
| 4         | Pin, ắc quy và lưu trữ điện          | - Các loại pin, ắc quy, pin mặt trời<br>- Các thiết bị lưu trữ điện dùng trong công nghiệp và dân dụng                                                                                                                                              |
| <b>VI</b> | <b>Xây dựng</b>                      |                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1         | Vật liệu xây dựng                    | - Chất thải công nghiệp thông thường đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và môi trường để đưa vào sản xuất vật liệu xây dựng, làm vật liệu san lấp                                                                                                         |

|             |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                        |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                                                                   | - Vật liệu xây dựng có sử dụng rác thải từ hoạt động sản xuất, xây dựng                                                                                                                                |
| 2           | Công trình xây dựng                                                                                                               | - Công trình xây dựng<br>- Dịch vụ hỗ trợ kéo dài vòng đời của công trình xây dựng                                                                                                                     |
| <b>VII</b>  | <b>Giao thông vận tải</b>                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                        |
| 1           | Phương tiện giao thông                                                                                                            | - Phương tiện giao thông, cơ giới<br>- Dịch vụ hỗ trợ kéo dài vòng đời của phương tiện giao thông vận tải, cơ giới                                                                                     |
| 2           | Hạ tầng giao thông                                                                                                                | - Công trình giao thông<br>- Vật liệu phục vụ công trình giao thông<br>- Dịch vụ hỗ trợ kéo dài tuổi thọ của công trình giao thông                                                                     |
| 3           | Dịch vụ vận tải                                                                                                                   | - Vận tải hàng hóa<br>- Vận tải hành khách                                                                                                                                                             |
| <b>VIII</b> | <b>Dịch vụ và du lịch</b>                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                        |
| 1           | Dịch vụ                                                                                                                           | - Dịch vụ phân phối, bán buôn, bán lẻ<br>- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn<br>- Dịch vụ tư vấn, đánh giá, hỗ trợ thực hiện kinh tế tuần hoàn, dịch vụ tân trang, sửa chữa và các dịch vụ khác có tiềm năng |
| 2           | Du lịch                                                                                                                           | Quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch                                                                                                         |
| <b>IX</b>   | <b>Quản lý chất thải</b>                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                        |
| 1           | Chất thải rắn                                                                                                                     | - Chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn<br>- Chất thải rắn công nghiệp thông thường, bùn thải, tro xỉ lò hơi<br>- Chất thải rắn xây dựng                                                           |
| 2           | Nước thải                                                                                                                         | - Nước thải sinh hoạt từ đô thị, khu dân cư<br>- Nước thải khu sản xuất, kinh doanh tập trung; các cơ sở sản xuất, kinh doanh                                                                          |
| 3           | Khí thải                                                                                                                          | - Khí mê tan, CO <sub>2</sub> từ các hoạt động: trồng trọt, chăn nuôi; quản lý chất thải và xử lý nước thải; khai thác, chế biến dầu khí, khai thác than và tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch              |
| <b>X</b>    | <b>Phát triển khu đô thị, khu dân cư tập trung; khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung</b> |                                                                                                                                                                                                        |
| 1           | Khu đô thị, khu dân cư tập trung                                                                                                  | - Khu đô thị<br>- Khu dân cư tập trung                                                                                                                                                                 |
| 2           | Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung                                                     | - Khu công nghiệp<br>- Cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung                                                                                                                    |

